

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2024/DS-ST
Ngày: 17-09-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đình;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Kiều Phương;

Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 292/2024/QĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Cao Kim P – Chủ hộ Kinh doanh T.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ M, sinh năm 1999 (có mặt); địa chỉ: Số B, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (đại diện theo hợp đồng ủy quyền ngày 11/3/2024).

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn E, sinh năm: 1983 (xin vắng).

Bà Dương Trúc H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Cao Kim P – Chủ hộ Kinh doanh T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/01/2022, bà Cao Kim P là chủ Hộ kinh doanh T với vợ chồng ông Nguyễn Tuấn E và bà Dương Trúc H có ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc nuôi thủy sản, thỏa thuận tiền thanh toán cuối vụ. Quá trình mua bán cuối vụ vợ chồng ông Tuấn E và bà H không thanh toán hết nợ, sau khi chốt nợ ông bà còn nợ tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản tổng số tiền là 543.513.000 đồng. Nay yêu cầu thanh toán tổng gốc và lãi 558.509.000 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 10/3/2024 số tiền 14.586.000 đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn E trình bày:

Vợ chồng ông có ký hợp đồng mua bán thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú với bà Cao Kim P – Chủ hộ Kinh doanh T. Sau khi đối chiếu công nợ thì còn nợ 472.221.000 đồng, có trả 80.000.000 đồng, còn nợ 392.221.000 đồng, sau đó có gửi trả 4.000.000 đồng và chuyển khoản 02 lần 6.000.000 đồng, tổng cộng trả thêm là 10.000.000 đồng, còn nợ 382.221.000 đồng và đồng ý cùng vợ thanh toán, về phần lãi suất thì xin, vì hiện nay hoàn cảnh gặp khó khăn vợ con bị tai nạn nên không lao động được, bản thân ông cũng bị bệnh.

Đồng bị đơn bà Dương Trúc H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn quy định mà đương sự không có văn bản trình bày ý kiến đối với vụ việc.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn liên đới thanh toán gốc 543.513.000 đồng và lãi tính từ ngày 03/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 09 tháng 14 ngày x 0,83%/tháng = 42.705.000 đồng. Đối với bản tính tiền do bị đơn cung cấp được thể hiện bút lục số 57 là của bà P ghi, mục đích ghi là nếu thanh toán sau vụ thu hoạch thì được hưởng chiếc khẩu và số tiền còn lại phải trả là bao nhiêu đó, nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ toán nên không được hưởng chiết khấu.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bị đơn liên đới thanh toán cho nguyên đơn 586.218.000 đồng tiền mua bán còn nợ và lãi suất (trong đó nợ gốc 543.513.000 đồng, lãi 42.705.000 đồng); Án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Trong hồ sơ thể hiện, bảng đối chiếu công nợ tháng 12/2023 (số 12) có sửa bằng bút mực được đánh số bút lục số 15 bên khách hàng có anh Nguyễn Vũ B là con trai ông Nguyễn Tuấn E ký tên xác nhận, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho rằng chỉ nhờ ký xác nhận, bị đơn cũng khẳng định nợ là của vợ chồng không liên quan đến con trai. Do việc giải quyết vụ án anh B không có liên quan nên Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

- Bị đơn ông Nguyễn Tuấn E có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

- Tòa án tổng đạt và niêm yết công khai giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Dương Trúc H hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Dương Trúc H.

- Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà P khởi kiện ông Nguyễn Tuấn E, bà Dương Trúc H yêu cầu thanh toán tiền mua bán còn nợ, quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp về hợp đồng mua bán”.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn

Bà P yêu cầu ông Tuấn E và bà H thanh toán tiền mua bán còn nợ, việc mua bán có hợp đồng có giấy nhận nợ và được ông Tuấn E thừa nhận, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Xét yêu cầu của bà P: Bà P khởi kiện yêu cầu ông Tuấn E và bà H thanh toán tiền mua bán còn nợ 543.513.000, ông Tuấn E thừa nhận có nợ nhưng chỉ còn nợ 382.221.000 đồng. Thấy rằng:

Theo bảng đối chiếu công nợ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án được đánh số bút lục từ 12 đến 14 thể hiện số tiền còn nợ 543.513.000 đồng có chữ ký của bị đơn ký bên khách hàng. Như vậy cho thấy, còn nợ nên bị đơn mới đồng ý ký xác nhận khoản tiền nợ thể hiện trên bảng đối chiếu công nợ.

Do đó, có cơ sở xác định vợ chồng của ông Tuấn E còn nợ bà P 543.513.000 đồng là có thật và buộc thanh toán là phù hợp.

Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu thanh toán lãi, bị đơn xin không trả khoản lãi, vì hiện nay gia đình đang gặp khó khăn. Thấy rằng, các bên ký hợp đồng mua bán nhưng khi chấm dứt hợp đồng thì không ký biên bản thanh lý hợp đồng mà sử dụng bảng đối chiếu công nợ để cho rằng vi phạm nghĩa vụ buộc trả lãi là không phù hợp nên yêu cầu trả lãi không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng bị đơn liên đới thanh toán cho nguyên đơn 543.513.000 đồng.

Chậm trả chịu lãi suất chậm thi hành án.

[2] Bị đơn ông **Nguyễn Tuấn E** cho rằng còn nợ nguyên đơn là 392.221.000 đồng và có trả thêm 03 lần 10.000.000 đồng, được trừ lại còn phải tiếp tục trả là 382.221.000 đồng. Thấy rằng, số tiền trên phía nguyên đơn tính để cho bị đơn biết nếu trả ngay sau cuối vụ sẽ được hưởng chiếc khấu, nhưng trên thực tế phía bị đơn từ khi ký hợp đồng đến thời điểm vụ án đưa ra xét xử mới trả 90.000.000 đồng, là vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên không được hưởng phần chiếc khấu. Mặt khác, bảng đối chiếu công nợ cũng do bị đơn ký xác nhận cho nguyên đơn nên lời trình bày trên là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông **Tuấn E** và bà **H** phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 543.513.000 đồng, án phí phải chịu 25.740.000 đồng (lấy tròn). Ông **Tuấn E** có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, căn cứ khoản 1 Điều 13 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận giảm 50%, bị đơn phải chịu 50% là 12.870.000 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phần không được chấp nhận là 42.705.000 đồng x 5% = 2.135.000 đồng (lấy tròn), có nộp được khấu trừ dư nhận lại.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận một phần, về phần lãi có điều chỉnh như nhận định phần trên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 440 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 13, khoản 6 Điều 15, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Cao Kim P – Chủ hộ Kinh Doanh T**, về việc khởi kiện ông **Nguyễn Tuấn E** và bà **Dương Trúc H** yêu cầu thanh toán gốc lãi tiền mua bán thức ăn còn nợ.

Buộc ông **Nguyễn Tuấn E** và bà **Dương Trúc H** liên đới thanh toán số tiền còn nợ cho bà **Cao Kim P – Chủ hộ Kinh doanh T** 543.513.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu trả lãi, phần không chấp nhận 42.705.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp bị đơn, chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông **Nguyễn Tuấn E** và bà **Dương Trúc H** phải chịu là 12.870.000 đồng đồng.

Bà **Cao Kim P** – Chủ hộ kinh doanh T chịu án phí 2.135.000 đồng, có nộp tạm ứng án phí 13.170.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0013984 ngày 15/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được khấu trừ, nguyên đơn được nhận lại 11.035.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính